

Bản án số: 87/2022/HSST
Ngày: 28/07/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh;

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Bảo Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/07/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 05 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/QĐXX-ST ngày 14/06/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; Tại Phổ Yên - Thái Nguyên; Trú tại: xóm TV2, xã TC, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được bố là ai; Con bà Nguyễn Thị T, bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: 01

Tại bản án số: 109/2017/HSST ngày 24/10/2017, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 19/4/2019, chưa chấp hành xong số tiền truy thu, nộp ngân sách Nhà nước 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2014 bị Công an huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Theo quyết định số 05/QĐ-XPVPHC ngày 01/12/2014.

Tại Bản án số 22/2016/ HSST ngày 08/3/2016 Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dung - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: xóm (nay là tổ dân phố) CT, xã (nay là phường)TH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Xuân T, sinh năm 1971;

Trú tại: tổ dân phố 5, phường BH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991;

Trú tại: Xóm TV2, xã TC, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18h ngày 27/10/2021 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20H1-094.57 đi từ nhà ra khu vực xóm (nay là tổ dân phố) KT, xã (nay là phường) TT, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy H đã sử dụng hết. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H đi đến quán cơm của chị Nguyễn Thị Kim D ở xóm (nay là tổ dân phố) V, xã (nay là phường) TH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để ăn cơm. H gọi 01 suất cơm, trả tiền cho chị D và ngồi vào bàn ăn trong quán để ăn cơm. Khi ăn cơm H nhìn thấy trên mặt bàn mình đang ngồi ăn có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen (sau xác định chiếc điện thoại này là của chị D). H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. H quan sát xung quanh thấy không có ai nên đã cầm chiếc điện thoại trên cho vào túi quần H đang mặc và đi ra ngoài đường. H điều khiển xe mô tô, mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại “DT” thuộc tổ dân phố 5, phường BH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và bán chiếc điện thoại này cho chủ

cửa hàng là anh Trần Xuân T được 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) rồi sử dụng số tiền này đi mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết 2.161.000 đồng.

Về phía chị D: Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị D đã xem lại hình ảnh camera tại quán cơm nhà mình, phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn H. Ngày 28/10/2021 chị D đã làm đơn trình báo đến Công an xã (nay là phường) TH, đồng thời giao nộp 01 chiếc đĩa CD chứa Clip ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn H có hành vi trộm cắp tài sản của chị. Quá trình làm việc tại Công an phường TH, Hưng đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình, đồng thời giao nộp cho Công an xã TH số tiền 239.000 đồng là tiền H bán chiếc điện thoại mà H đã trộm cắp của chị D còn lại. Cùng ngày 28/10/2021, anh Trần Xuân T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Oppo màu đen, số LMEL 1: 866686055204639, TMEL 1: 866686055204621, máy cũ, đã qua sử dụng mà anh T đã mua của H cho Công an xã (nay là phường) TH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 21/02/2022 Nguyễn Văn H bị Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bắt, theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 81 ngày 29/12/2021.

Ngày 10/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã ra yêu cầu định giá tài sản là 01 chiếc điện thoại Oppo màu đen, số LMEL 1: 866686055204639, TMEL 1: 866686055204621, máy cũ, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số: 81/KLĐG ngày 13/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, IMEI 1: 866686055204639, IMEI 2: 866686055204621, điện thoại đã qua sử dụng, hiện trạng còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường; giá trị còn lại của điện thoại theo yêu cầu định giá số 86/CSĐT ngày 10/11/2021 của Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên trị giá là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị Kim D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân T đều vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn chị D và anh T xác định đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT- VKSPY ngày 20/05/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phạm thẩm vấn đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh

Thái Nguyên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn H từ 24 đến 30 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra việc giải quyết; về án phí: Bị cáo là hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Phản tranh luận: Bị cáo Hưng không tranh luận gì. Người bào chữa cho bị cáo H nhất trí với tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo H mức thấp nhất như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí hình sự cho bị cáo H. Các bên không đối đáp tranh luận gì khác.

Nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bị hại chị Nguyễn Thị Kim D và người liên quan anh Trần Xuân T đã được triệu tập đến phiên tòa xong đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T và đại diện Viện Kiểm sát đều đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai những người này. Sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan

điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Văn H là đối tượng nghiện ma túy, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu chị Nguyễn Thị Kim D nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/10/2021, tại quán cơm của chị Nguyễn Thị D ở xóm (nay là tổ dân phố) CT, xã (nay là phường) TH, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Kim D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, IMEI 1: 866686055204639, IMEI 2: 866686055204621, điện thoại đã qua sử dụng, hiện trạng còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường có trị giá là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội : “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 bộ luật hình sự.

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[4]. Xét tính chất vụ án, nguyên nhân, động cơ, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo: Do bản thân mắc nghiện ma túy, nên khi thấy chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản rồi đem bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, nên đã dẫn bị cáo đến việc phạm tội.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động được gia đình nuôi ăn học đến lớp 6 thì nghỉ học. Bị cáo đã không chịu tu dưỡng rèn luyện nên đã dẫn đến việc nghiện ma túy. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính và bị đưa ra xét xử, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù về, bị cáo đã không lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa chữa bản thân, tiếp tục phạm tội. Tại bản án số: 109/2017/HSST ngày 24/10/2017, bị cáo bị Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh

Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2019, nhưng chưa chấp hành xong số tiền truy thu, nộp ngân sách Nhà nước 1.600.000đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng), nên chưa được xoá án tích. Nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “Tái phạm”. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động người nhà đứng ra bồi thường thay số tiền 2.400.000 đồng cho anh Trần Xuân T (là người đã mua điện thoại của bị cáo nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà có) nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xong bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần về cùng một loại tội nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian thì mới có thể cải tạo bị cáo thành người tốt được.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp của chị D, sau đó đem bán cho anh T, anh T đã tự nguyện đem nộp lại cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại chị D, chị D đã nhận lại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Đối với số tiền 2.400.000đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền anh T đã trả cho bị cáo khi mua chiếc điện thoại. Quá trình điều tra bị cáo cũng đã nhờ người nhà là anh T trả lại cho anh T, anh T đã nhận được và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là hộ nghèo, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Số tiền 239.000đồng (hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là số tiền bị cáo bán chiếc điện thoại mà có. Tuy nhiên sau đó bị cáo đã bồi thường trả lại số tiền 2.400.000đồng cho anh T. Do vậy xác định đây không phải là khoản thu lợi bất chính, nên cần trả lại cho bị cáo H.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20H1- 094.57, quá trình điều tra xác định là xe bị cáo Hưng mượn của chị Lê Thị Huyền là vợ của Hưng vào

ngày 27/10/2021 để sử dụng, chị Huyền không biết H sử dụng xe vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ và xử lý gì là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen mà anh T giao nộp cho cơ quan Công an. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc điện thoại mà bị cáo Hưng đã trộm cắp của chị D. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D quản lý, sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc đĩa CD lưu giữ hình ảnh Nguyễn Văn H thực hiện hành vi phạm tội được chuyển theo tài liệu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên căn cứ điểm d điều 12 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11]. Các vấn đề khác: Đối với anh Trần Xuân T là người đã mua chiếc điện thoại của H đã trộm cắp của chị D. Tuy nhiên khi mua anh T không biết do H trộm cắp mà có nên cơ quan không xử lý gì đối với anh T là phù hợp. Ngoài ra H khai sau khi bán được điện thoại H đã sử dụng một phần tiền để mua ma túy sử dụng, nhưng quá trình bắt giữ H không thu được ma túy, không xác định được người bán ma túy cho H là ai, ở đâu, nên cơ quan điều tra không xem xét lý về hành vi này đối với Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị Nguyễn Văn Hưng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 26 (hai mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/02/2022.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc xem xét giải quyết.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 239.000đồng (Hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

(Theo Ủy nhiệm chi số 61 ngày 05 tháng 05 năm 2022)

6. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ vụ án./..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên)**

Hà Thị Thu Thủy